VIDS
VIỆN THỰC PHẨM CHỨC NĂNG
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM
Lô RD8-01, Khu Nghiên cứu và triển khai
Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Tân Xã, huyện Thạch Thất, Hà Nội
*Tel: 024 37932595 * Website: vids.vn * Email: ttkn@vids.vn*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VILAS 448

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 24XG3269

Mẫu thử nghiệm: **THỰC PHẨM BẢO VỆ SỨC KHỎE XOANGBACHPHUC**

Nơi sản xuất: Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Âu Cơ

Số lô/ SKS: **011024** *Ngày sản xuất:* 15/10/2024 *Hạn sử dụng:* 15/10/2027

Số ĐK/CNTC: 627/2020/ĐKSP

Người và nơi gửi mẫu: Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Âu Cơ

Địa chỉ : Lô A2, CN1, Cụm CN Tập trung vừa và nhỏ Từ Liêm, phường Minh Khai, Quận Bắc từ liêm, TP Hà nội, Việt nam

Yêu cầu thử nghiệm : (Theo phiếu yêu cầu)

Ngày tháng năm nhận mẫu: 06/11/2024 *Số đăng ký thử nghiệm:* **24G3149**

Người nhận mẫu: Dương Thị Hằng

Tình trạng mẫu khi nhận và khi mở niêm phong để thử nghiệm: Nguyên hộp.

Tên chỉ tiêu	Mức yêu cầu	Kết quả	Đơn vị	Phương pháp
1.*Cảm quan		Viên nén màu trắng.		
2.Xác định sự có mặt (Định tính)				
+ *Hoắc hương	Dương tính	Thể hiện phép thử định tính của Hoắc hương	-	KN/QTPTTM/H.20
+ *Kim ngân hoa	Dương tính	Thể hiện phép thử định tính của Kim ngân hoa	-	KN/QTPTTM/K.5
+ *Kinh giới tuệ	Dương tính	Thể hiện phép thử định tính của Kinh giới tuệ	-	KN/QTPTTM/K.8
+ *ImmuneGamma	Dương tính	Có mặt Aspartic acid, Glutamic acid, Lysin, Alanin sau thuỷ phân ImmuneGamma.	-	KN/QTKT/14.1
3.Khối lượng trung bình viên	850 ± 7,5%	880,2	mg/viên	KN/QTKT/6.4

** Chỉ tiêu không trong danh mục phép thử được công nhận ISO 17025*

*** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ thử nghiệm*

Kết quả trên phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu đem thử

Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của lãnh đạo TTKN

Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu

Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời gian lưu mẫu theo quy định.

Tên chỉ tiêu	Mức yêu cầu	Kết quả	Đơn vị	Phương pháp
4.Giới hạn kim loại nặng				
+ Pb	≤ 3,0	0,62	mg/kg (ppm)	TCVN 10912 : 2015
+ Cd	≤ 1,0	< LOQ (LOQ: 0,03)	mg/kg (ppm)	TCVN 10912 : 2015
+ Hg	≤ 0,1	< LOQ (LOQ: 0,04)	mg/kg (ppm)	TCVN 10912 : 2015
5.Tổng số vi sinh vật hiếu khí	$\leq 10^4$	$< 4,0 \times 10^1$	CFU/g	TCVN 4884-2 :2015
6.Tổng số nấm men, nấm mốc	$\leq 10^2$	$< 1,0 \times 10^1$	CFU/g	TCVN 8275-2 : 2010
7.Escherichia coli (E.coli)	Không phát hiện	Không phát hiện	/g	TCVN 6846 : 2007
8.Salmonella spp.	Không phát hiện	Không phát hiện	/25g	TCVN 10780-1: 2017
9.Staphylococcus aureus (S.aureus)	≤ 3	Không phát hiện	MPN/g	TCVN 7927: 2008
10.Coliforms	≤ 10	$< 1,0 \times 10^1$	CFU/g	TCVN 6848 : 2007
11.Clostridium perfringens	≤ 10	$< 1,0 \times 10^1$	CFU/g	TCVN 4991 : 2005
12.Bacillus cereus (B.cereus)	≤ 10	$< 1,0 \times 10^1$	CFU/g	TCVN 4992 : 2005

Ghi chú: LOQ - Giới hạn định lượng;
Mức yêu cầu các chỉ tiêu kiểm tra theo tiêu chuẩn công bố số 627/2020/ĐKSP.

Hà Nội, Ngày 20 Tháng 11 Năm 2024

TUQ. LÃNH ĐẠO VIỆN

HỘI THỰC PHẨM CHỨC NĂNG VIỆT NAM
VIỆN THỰC PHẨM CHỨC NĂNG

GĐ. TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM

ThS. Nguyễn Việt Hà

** Chỉ tiêu không trong danh mục phép thử được công nhận ISO 17025*

*** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ thử nghiệm*

Kết quả trên phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu đem thử

Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của lãnh đạo TTKN

Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu

Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời gian lưu mẫu theo quy định.